**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

Mẫu số: **01/TM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định....*

**BẢN THUYẾT MINH GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DO KHÁC BIỆT**

**CHUẨN MỰC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

**[01]** Năm tài chính báo cáo[[1]](#endnote-2): Năm ....... Từ ....../....../...... đến ....../....../......

**[02]** Lần đầu[[2]](#endnote-3)  [**03]** Bổ sung lần thứ[[3]](#endnote-4):…

**[04]** **Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai**[[4]](#endnote-5): .............................

**[05]** Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu[[5]](#endnote-6):



**[06] Tên đại lý thuế** (nếu có)[[6]](#endnote-7): .......................................................................

**[07]** Mã số thuế:

**[08]** Hợp đồng đại lý thuế: Số.....................................ngày..................................

**[09] Đồng tiền sử dụng lập BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tối cao**[[7]](#endnote-8): ........................

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu**[[8]](#endnote-9)** | Mã số chỉ tiêu[[9]](#endnote-10) | Số liệu trên BCTC của đơn vị hợp thành[[10]](#endnote-11) | Số liệu trên BCTC phục vụ mục đích hợp nhất của Công ty mẹ tối cao[[11]](#endnote-12) | Chênh lệch[[12]](#endnote-13) | Nguyên nhân chênh lệch[[13]](#endnote-14) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6) =(5) – (4)* | *(7)* |
| 1. Đơn vị hợp thành 1 | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Đơn vị hợp thành 2 | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên: .............................  Chứng chỉ hành nghề số: ...... | *..., ngày....... tháng....... năm 20…*  **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**  *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  */Ký điện tử)* |

1. Năm tài chính báo cáo là năm tài chính phải thực hiện kê khai Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi rõ năm tài chính báo cáo từ ngày đầu tiên của năm tài chính đến ngày kết thúc năm tài chính. [↑](#endnote-ref-2)
2. Đánh dấu X vào ô này nếu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai bản giải trình thuyết minh chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu lần đầu cho năm tài chính báo cáo (mà chưa khai bổ sung). [↑](#endnote-ref-3)
3. Khai lần khai bổ sung về bản giải trình thuyết minh chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho năm tài chính báo cáo [↑](#endnote-ref-4)
4. Điền tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương). [↑](#endnote-ref-5)
5. Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cấp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. [↑](#endnote-ref-6)
6. Tại chỉ tiêu [6], [7] và [8]: Ghi tên đại lý thuế, mã số thuế đại lý thuế, thông tin hợp đồng đại lý thuế trong trường hợp khai thuế qua đại lý thuế. [↑](#endnote-ref-7)
7. Điền loại đồng tiền được sử dụng để khai thông tin tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

   ***Tại bảng thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải khai phần thuyết minh giải trình chênh lệch cho từng đơn vị hợp thành có phát sinh chênh lệch theo các hướng dẫn như sau:*** [↑](#endnote-ref-8)
8. Cột (2): Khai các chỉ tiêu trên BCTC của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ảnh hưởng đến việc tính toán theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, mà các chỉ tiêu này có chênh lệch giá trị giữa BCTC của đơn vị hợp thành trước khi có bất kỳ điều chỉnh hợp nhất nào để loại bỏ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn khi lập BCTC hợp nhất của công ty mẹ tối cao và BCTC của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tối cao do khác biệt về chuẩn mực kế toán tài chính sử dụng. [↑](#endnote-ref-9)
9. Cột (3): Khai mã số chỉ tiêu tương ứng với các chỉ tiêu đã khai tại cột (2) trên BCTC của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tối cao. [↑](#endnote-ref-10)
10. Cột (4): Khai số liệu của từng chỉ tiêu tại cột (2) được trình bày trên BCTC của đơn vị hợp thành trước khi có bất kỳ điều chỉnh hợp nhất nào để loại bỏ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn khi lập BCTC hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Số liệu tại cột này được xác định bằng đồng tiền sử dụng lập BCTC hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Tập đoàn đa quốc gia áp dụng các chuẩn mực về ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái của chuẩn mực kế toán của công ty mẹ tối cao để thực hiện các quy đổi sang đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. [↑](#endnote-ref-11)
11. Cột (5): Khai số liệu của từng chỉ tiêu tại cột (2) được trình bày trên BCTC của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tối cao. Số liệu tại cột này được xác định bằng đồng tiền sử dụng lập BCTC hợp nhất của công ty mẹ tối cao. [↑](#endnote-ref-12)
12. Cột (6) = (5) – (4) [↑](#endnote-ref-13)
13. Cột (7): Giải thích rõ ràng sự khác biệt về chuẩn mực kế toán tài chính sử dụng dẫn đến chênh lệch số liệu. [↑](#endnote-ref-14)